TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUẬN BẮC** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2025/HS-ST
Ngày 29/4/2025

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THUẬN BẮC, TỈNH NINH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Bảo Châu.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Hữu Hoan và ông Nguyễn Thanh Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Hoà Yên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Huệ - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2025, tại Tòa án nhân dân huyện Thuận Bắc, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2025/TLST-HS ngày 19 tháng 3 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 4 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. NGUYỄN THÁI N, sinh năm: 1998 tại Ninh Thuận. Nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Tấn P, sinh năm: 1977 (đã chết) và bà Phạm Thị Đ, sinh năm: 1980; chưa có vợ con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 19/6/2016, bị Công an huyện T xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Đánh bạc".

Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

2. NGUYỄN THỊ D, sinh năm: 1965 tại Ninh Thuận. Nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1940 (đã chết) và bà Võ Thị N1, sinh năm: 1939 (đã chết); chưa có chồng con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

3. NGUYỄN THỊ XA L1, sinh năm: 1977 tại Ninh Thuận. Nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Buôn bán; trình độ văn hóa: 04/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1945 và bà Phan Thị V, sinh năm: 1945; có chồng là Trần Văn T1 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 1997, nhỏ nhất sinh năm 1999.

Tiền án, tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 23/9/2011, bị Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải xử phạt 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội *"Đánh bạc"*.

Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

4. NGUYỄN THỊ G, sinh năm: 1969 tại Ninh Thuận. Nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn L, sinh năm: 1940 (đã chết) và bà Võ Thị N1, sinh năm: 1939 (đã chết); có chồng là Phạm Văn T2 và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2008, nhỏ nhất sinh năm 2013.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

5. PHẠM THỊ P1, sinh năm: 1950 tại Ninh Thuận. Nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn X, sinh năm: 1905 (đã chết) và bà Bùi Thị B, sinh năm: 1915 (đã chết); có chồng là Nguyễn T3 (đã chết) và 06 người con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

6. LÊ THỊ T4, sinh năm: 1946 tại Ninh Thuận. Nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê C (đã chết) và bà Nguyễn Thị G1 (đã chết); có chồng là Võ Duy H (đã chết) và 05 người con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

7. NGUYỄN THỊ L2, sinh năm: 1982 tại Ninh Thuận. Nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn X1, sinh năm: 1932 (đã chết) và bà Lê Thị H1, sinh năm: 1936; có chồng là Phạm Văn N2 và 02 người con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

8. NGUYỄN THỊ K, sinh năm: 1966 tại Ninh Thuận. Nơi cư trú: Thôn M, xã B, huyện T, tỉnh Ninh Thuận; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa: Không biết chữ; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P2, sinh năm: 1931 (đã chết) và bà Trần Thị C1, sinh năm: 1937 (đã chết); có chồng là Võ Ngọc T5 và 03 người con.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại (có mặt tại phiên tòa).

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị T4: Bà Hoàng Thị Thanh T6 – Trợ giúp viên pháp lý Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh N (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc khoảng 15giờ30 ngày 05/11/2024, Công an huyện T phối hợp với Công an xã B bắt quả tang tại hộ bà Nguyễn Thị D có 07 (bảy) người đang tham gia đánh bạc dưới hình thức đánh bài xì dách (tên thường gọi xì lát) ăn tiền, gồm Nguyễn Thái N, Nguyễn Thị K, Phạm Thị P1, Nguyễn Thị Xa L1, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Thị G và Lê Thị T4 do Nguyễn Thái N làm cái. Thu giữ tại chiếu bạc số tiền **5.311.000đ** *(Năm triệu ba trăm mười một nghìn đồng)*; thu giữ trên người Lê Thị T4 số tiền **203.000đ** *(Hai trăm lẻ ba nghìn đồng)*; 01 tấm vải hình chữ nhật màu trắng vàng; 01 đĩa sứ dạng tròn, màu trắng; 01 hộp đựng bài màu xanh, bên trong có 52 lá bài tây; 01 hộp đựng bài màu xanh, bên trong có 38 lá bài tây; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, vỏ màu tím có hàng chữ SAMSUNG; 01 điện thoại di động màn hình cảm ứng, vỏ màu xanh có hình trái táo khuyết màu trắng bạc; 01 xe mô tô biển số 85H1- 115.18.

Quá trình điều tra, N, K, P1, L1, L2, G, T4 và D khai nhận như sau: Do trước đó đã tham gia đánh bài xì dách ăn tiền tại nhà D, nên vào khoảng 14giờ00 ngày 05/11/2024, N, K, P1, L1, G, T4 đi đến nhà D để tham gia đánh bài xì dách ăn tiền. Thấy mọi người đến đánh bài như mọi ngày, D đã lấy 01 tấm vải hình chữ nhật màu trắng vàng *(kích thước (1,19x1,62)m, hoạ tiết màu xanh đỏ)* trải ra nền xi măng ở phía sau nhà bếp, trước nhà vệ sinh của nhà D để những người tham gia đánh bài ngồi đánh; 01 đĩa sứ *(dạng tròn, màu trắng, đường kính miệng 14,5cm, đường kính đáy 09cm, mặt trong đĩa có hình 02 cành hoa)* để bỏ bài lên; 02 bộ bài tây *(01 bộ 52*

lá bài) để đánh và 01 cái ca nhựa màu trắng để ở phía ngoài tấm vải để người chơi bỏ tiền xâu cho D. Cả nhóm thống nhất để Nguyễn Thái N là người làm cái *(nhà cái)* và những người chơi chính gồm P1, L1, G, T4 tham gia đặt cược tiền chơi với mức đặt tiền mỗi lần chơi từ 50.000đ trở xuống *(ví dụ như: 10.000đ, 20.000đ, 30.000đ, 40.000đ và 50.000đ)* và được đặt công khai trên sòng bài. Nếu ván nào mà N thắng của các người chơi thì N sẽ tự bỏ tiền xâu cho Duyên số tiền 5.000đ hoặc 10.000đ vào cái ca nhựa màu trắng mà D đã bỏ sẵn để ở phía ngoài tấm vải. Cả nhóm đánh đến khoảng 15giờ30 cùng ngày thì bị lực lượng Công an bắt quả tang và đưa về trụ sở Công an huyện T làm việc. Đến thời điểm bị bắt quả tang, D chưa kịp lấy tiền xâu ở trong ca nhựa màu trắng và N xác định đã bỏ tiền xâu vào trong cái ca nhựa được khoảng từ **90.000đ** *(Chín mươi ngàn đồng)* đến **100.000đ** *(Một trăm ngàn đồng)*.

Quá trình điều tra, N, K, P1, L1, L2, G, T4 đã khai nhận, khi đi tham gia đánh bài xì lát ăn tiền thì N đã sử dụng số tiền **1.200.000đ** *(Một triệu hai trăm ngàn đồng)* để đánh bài; L1 đã sử dụng số tiền **1.000.000đ** *(Một triệu đồng)* để đánh bài; P1 đã sử dụng số tiền **65.000đ** *(Sáu mươi lăm ngàn đồng)* để đánh bài; L2 đã sử dụng số tiền **200.000đ** *(Hai trăm ngàn đồng)* để đánh bài; G đã sử dụng số tiền **70.000đ** *(Bảy mươi ngàn đồng)* để đánh bài; T4 đã sử dụng số tiền **40.000đ** *(Bốn mươi ngàn đồng)* để đánh bài; K không mang theo tiền nhưng đặt cược bằng miệng (trả tiền sau) với N 04 ván, mỗi ván với số tiền **10.000đ** vì vậy Kết đã sử dụng số tiền **40.000đ** *(Bốn mươi ngàn đồng)* để đánh bài nhưng số tiền này N vẫn chưa đưa cho K. Như vậy, tổng số tiền mà N, K, P1, L1, G, T4, L2 sử dụng để đánh bài thực tế khai nhận là **2.615.000đ** *(Hai triệu sáu trăm mười lăm ngàn đồng)*. Số tiền chênh lệch giữa tổng số tiền thực tế thu giữ được tại chiếu bạc với tổng số tiền mà N, G, K, L2, T4, P1, L1 khai nhận dùng để đánh bạc: **5.311.000đ** *(Tổng số tiền thu tại chiếu bạc)* - **2.615.000đ** *(Tổng số tiền mang theo dùng để đánh bạc)* = **2.696.000đ** *(Hai triệu sáu trăm chín mươi sáu ngàn đồng)*. Quá trình điều tra, không xác định được đây là số tiền của ai mang theo dùng để đánh bạc. Riêng số tiền **203.000đ** *(Hai trăm lẻ ba ngàn đồng)* được thu giữ trên người Nguyễn Thị T7, xác định được Lê Thị T4 không dùng vào mục đích đánh bạc.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Cáo trạng số: 09/CT–VKSTB ngày 17/3/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc truy tố các bị cáo về tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Tuyên bố các bị cáo phạm tội "Đánh bạc".

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Thái N từ 12 tháng đến 15 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định. Xử phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D từ 09 tháng đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách theo quy định.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Thị G từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L2 từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Kết T8 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1, 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Xa L1 từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ. Xử phạt bổ sung bị cáo số tiền từ 10.000.000đ đến 15.000.000đ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Phạm Thị P1 từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 36 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Lê Thị T4 từ 06 tháng đến 09 tháng cải tạo không giam giữ.

- Về xử lý vật chứng: Đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền đánh bạc là **5.311.000đ** *(Năm triệu ba trăm mười một nghìn đồng)*. Trả lại cho bị cáo Lê Thị T4 số tiền không dùng vào việc đánh bạc là **203.000đ** *(Hai trăm lẻ ba ngàn đồng)*. Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) tấm vải hình chữ nhật màu trắng vàng kích thước (1,19x1,62)m, hoạ tiết màu xanh đỏ; 01 (một) đĩa sứ dạng tròn, màu trắng, đường kính miệng 14,5cm, đường kính đáy 09cm, mặt trong đĩa có hình 02 cành hoa; 01 (một) hộp đựng bài màu xanh, mặt ngoài hộp có chữ viết tiếng Trung Quốc, bên trong có 52 (Năm mươi hai) lá bài tây; 01 (một) hộp đựng bài màu xanh, mặt ngoài hộp có chữ viết tiếng Trung Quốc, bên trong có 38 (Ba mươi tám) lá bài tây.

Người bào chữa cho bị cáo Lê Thị T4 tranh luận: Thống nhất với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh và khung hình phạt, các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, bị cáo đã 80 tuổi, việc tham gia đánh bạc không vì mục đích thắng thua mà chỉ nhằm giải trí nên đề nghị Hội đồng xét xử xem

xét cho bị cáo được hưởng mức án nhẹ nhất và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Các bị cáo không tranh luận.

Các Bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo nhận thấy hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng Viện kiểm sát đã truy tố. Lời khai của các bị cáo phù hợp với các chứng cứ khác đã được thu thập tại hồ sơ vụ án, đủ cơ sở để xác định: Khoảng 15 giờ 30 phút ngày 05/11/2024, các bị cáo Nguyễn Thái N, Nguyễn Thị Xa L1, Nguyễn Thị G, Phạm Thị P1, Lê Thị T4, Nguyễn Thị L2 và Nguyễn Thị K tham gia đánh bạc trái phép với nhau dưới hình thức xì dách được thua bằng tiền với tổng số tiền thu tại chiếu bạc là 5.311.000^{đ}. Hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Đối với bị cáo Nguyễn Thị D mặc dù không tham gia đánh bạc nhưng đã có hành vi cho mượn nhà làm địa điểm để đánh bạc, chuẩn bị 02 bộ bài tây, 01 tấm vải, 01 cái đĩa và 01 cái ca nhựa cho các bị cáo khác đánh bạc nhằm mục đích để thu tiền xâu tuy không đủ yếu tố cấu thành tội "Tổ chức đánh bạc hoặc gá bạc" nhưng phải chịu trách nhiệm hình sự với vai trò đồng phạm với các bị cáo khác về tội "Đánh bạc". Vì vậy, các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuận Bắc truy tố về tội danh và khung hình phạt trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Các bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, vi phạm pháp luật, gây ảnh hưởng xấu an ninh trật tự tại địa phương nhưng vẫn cố ý thực hiện, nên các bị cáo phải chịu trách nhiệm về hành vi phạm tội của mình gây ra. Tuy nhiên, xét tính chất, mức độ thiện hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo khác nhau nên cần áp dụng mức hình phạt tương ứng với hành vi của từng bị cáo.

[4] Xét đối với bị cáo Nguyễn Thái N mặc dù là người không có tiền án, tiền sự nhưng đã từng bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi "Đánh bạc", bị cáo là người làm cái trọng vụ án đánh bạc và bị cáo Nguyễn Thị Xa L1 mặc dù là người không có tiền án, tiền sự nhưng đã từng bị Tòa án xử phạt 30 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo về tội "Đánh bạc" nên cần có mức án nghiêm khắc hơn các bị cáo khác. Các bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng (trừ bị cáo Nguyễn Thị Xa L1); quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình; bị cáo T4 và bị cáo P1 thời điểm phạm tội đã hơn 70 tuổi. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s, o khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xét thấy các bị cáo tham gia đánh bạc với số tiền nhỏ, mục đích thắng thua bằng tiền không lớn, có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 36, Điều 65 Bộ luật Hình sự cho xử phạt bị cáo N hình phạt tù nhưng nhưng cho hưởng án treo, xử phạt các bị cáo còn lại hình phạt cải tạo không giam giữ. Đồng thời áp dụng khoản 3 Điều 321 Bộ luật Hình sự phạt bổ sung bị cáo N và L1 một khoản tiền để răng đe và giáo dục các bị cáo.

[5] Xét thấy các bị cáo không có công việc, thu thập không có hoặc không ổn định nên xét miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo bị phạt cải tạo không giam giữ.

[6] Về xử lý vật chứng:

[6.1] Đối với tổng số tiền tạm giữ của các bị cáo là 5.514.000^{đ}, trong đó: số tiền dùng vào việc đánh bạc (thu tại chiếu bạc) là 5.311.000^{đ} nên tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước; số tiền 203.000^{đ} của bị cáo Lê Thị T4 không sử dụng vào việc đánh bạc nên trả lại cho bị cáo Lê Thị T4.

[6.2] Đối với 01 (một) tấm vải hình chữ nhật màu trắng vàng kích thước (1,19x1,62)m, hoạ tiết màu xanh đỏ; 01 (một) đĩa sứ dạng tròn, màu trắng, đường kính miệng 14,5cm, đường kính đáy 09cm, mặt trong đĩa có hình 02 cành hoa; 01 (một) hộp đựng bài màu xanh, mặt ngoài hộp có chữ viết tiếng Trung Quốc, bên trong có 52 (Năm mươi hai) lá bài tây; 01 (một) hộp đựng bài màu xanh, mặt ngoài hộp có chữ viết tiếng Trung Quốc, bên trong có 38 (Ba mươi tám) lá bài tây là công cụ sử dụng vào việc đánh bạc không còn giá trị sử dụng nên tịch thu, tiêu hủy.

[6.3] Đối với 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, vỏ màu xanh có hình trái táo khuyết màu trắng bạc và 01 (một) xe mô tô biển số 85H1-115.18, nhãn hiệu HONDA, số loại AIR BLADE, đây là tài sản thuộc sở hữu của bị cáo Nguyễn Thái N không sử dụng vào việc đánh bạc nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị cáo là đúng quy định pháp luật.

[7] Đối với Nguyễn Thị Bích M, khi lực lượng Công an bắt quả tang thì M không có mặt tham gia đánh bài xì lát ăn tiền với các bị cáo nên không có căn cứ xử lý hình sự đối với M là đúng quy định pháp luật.

[8] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định. Riêng các bị cáo Lê Thị T4, Phạm Thị P1 và Nguyễn Thị D là người cao tuổi nên được miễn án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thái N** phạm tội "Đánh bạc".

Xử phạt bị Nguyễn Thái N 09 (chín) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 (mười tám) tháng, kể từ ngày tuyên án.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thái N số tiền 15.000.000đ *(Mười lăm triệu đồng)* để sung vào ngân sách Nhà nước.

2. Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 321; Điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị Xa L1** phạm tội "Đánh bạc".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Xa L1 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị Xa L1 số tiền 10.000.000đ *(Mười triệu đồng)* để sung vào ngân sách Nhà nước.

3. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị G, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Thị K** phạm tội "Đánh bạc".

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị D 09 (chín) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị G 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị L2 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị K 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

4. Căn cứ vào khoản 1 Điều 321; Điểm i, s, o khoản 1 Điều 51; Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố bị cáo **Phạm Thị P1, Lê Thị T4** phạm tội "Đánh bạc".

Xử phạt bị cáo Phạm Thị P1 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Xử phạt bị cáo Lê Thị T4 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ.

Thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự nhận được quyết định thi hành án.

Về khấu trừ thu nhập: Miễn khấu trừ thu nhập cho các bị cáo.

Giao bị cáo Nguyễn Thái N cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Ninh Thuận giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 (hai) lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Giao các bị cáo Nguyễn Thị D, Nguyễn Thị Xa L1, Nguyễn Thị G, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị P3 và Lê Thị T4 cho Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Ninh Thuận để giám sát, giáo dục. Gia đình các bị cáo có trách nhiệm phối hợp với Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Ninh Thuận trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp người chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

- Căn cứ vào Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự và các Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự:

+ Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền dùng vào việc đánh bạc là 5.311.000^{đ} *(Năm triệu ba trăm mười một nghìn đồng)* và trả lại cho bị cáo Lê Thị T4 số tiền: 203.000^{đ} *(Hai trăm lẻ ba nghìn đồng)* theo ủy nhiệm chi số 08 ngày 28/4/2025 của Công an tỉnh N.

+ Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) tấm vải hình chữ nhật màu trắng vàng kích thước (1,19x1,62)m, hoạ tiết màu xanh đỏ; 01 (một) đĩa sứ dạng tròn, màu trắng, đường kính miệng 14,5cm, đường kính đáy 09cm, mặt trong đĩa có hình 02 cành hoa; 01 (một) hộp đựng bài màu xanh, mặt ngoài hộp có chữ viết tiếng Trung Quốc, bên trong có 52 (Năm mươi hai) lá bài tây; 01 (một) hộp đựng bài màu xanh, mặt ngoài hộp có chữ viết tiếng Trung Quốc, bên trong có 38 (Ba mươi tám) lá bài tây theo Biên bản giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 15/04/2025 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuận Bắc.

- Căn cứ vào Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án:

Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho các bị cáo Lê Thị T4, Phạm Thị P1 và Nguyễn Thị D. Các bị cáo Nguyễn Thái N, Nguyễn Thị Xa L1, Nguyễn Thị K, Nguyễn Thị L2, Nguyễn Thị G phải nộp 200.000đ (*Hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án/.

(Đã giải thích án treo)

Nơi nhận:
- Các bị cáo;
- Người bào chữa;
- VKSND huyện Thuận Bắc;
- CQĐT Công an tỉnh Ninh Thuận;
- CQTHAHS Công an tỉnh Ninh Thuận;
- Chi cục THADS huyện Thuận Bắc;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- TAND tỉnh;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bảo Châu